

Bản án số: 373/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Trần Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương;

2. Ông Trần Công Quan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 616/2016/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T M; địa chỉ thường trú: Số xxx đường TQ, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số xxx đường NTP, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông L N B; địa chỉ thường trú: Số xxx đường TQ, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 21/10/2016, bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà N T M trình bày:

Bà N T M và ông L N B tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/4/2008. Vợ chồng chung sống có một con chung là trẻ L K Đ, (Nam, sinh ngày 08/9/2008).

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 cho đến nay do tính tình không phù hợp, ông B không tin tưởng bà M, ghen tuông vô cớ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Năm 2016, bà M đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án Quận 11, do ông B hứa sửa chữa tính tình, đề nghị hòa giải đoàn tụ để cả hai cùng chăm sóc cho con chung, nên bà M đã rút đơn khởi kiện. Nhưng từ đó đến nay, ông B vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2015, bà M đã đưa trẻ Đ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án Quận 11 giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Có một con chung là trẻ L K Đ, (Nam, sinh ngày 08/9/2008), hiện đang sống cùng bà M. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L N B không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà M.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: "Đương sự L N B hiện đang cư trú tại xxx TQ, Phường 6, Quận 11..."

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn và không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên. Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

a) Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

b) Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

a) Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt công khai, hợp lệ đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

b) Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; tại các buổi hòa giải ông B vắng

mặt. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông B, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà M có cơ sở.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M;
- Về con chung: Bà M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ. không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào nội dung tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà N T M và ông L N B, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Ông L N B đang cư trú tại Quận 11; do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Ngày 10/5/2017, nguyên đơn là bà N T M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn là ông L N B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà N T M và ông L N B tự tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn năm 2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, ông B không tin tưởng, tôn trọng bà M. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc; cả hai đã sống ly thân gần 03 năm nên bà M yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 11 tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đầy đủ và hợp lệ nhưng ông B không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà M. Điều này cho thấy rằng ông B không mong muốn và không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông B đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không mang lại

hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.” Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N T M xin ly hôn với ông L N B.

b) Về con chung: Có một con chung là trẻ L K Đ, (Nam, sinh ngày 08/9/2008), hiện đang sống cùng bà M. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận: "Hiện nay, cháu L K Đ đang sinh sống cùng bà M và do bà M là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng". Căn cứ Bản ghi nhận nguyện vọng ngày 14/12/2016 của trẻ L K Đ: "được sống với mẹ vì mẹ thương yêu và chăm sóc".

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà M không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

d) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2009;

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà N T M.

Bà N T M được ly hôn với ông L N B.

2. Về con chung: Bà N T M được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L K Đ, (Nam, sinh ngày 08/9/2008). Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông L N B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông B thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà N T M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AG/2014/0003565 ngày 08/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N T M và ông L N B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường 6, Quận 10, Tp. HCM (để ghi vào sổ hộ tịch; Thông tin về giấy CNKH số xxx, quyển số 01/2008 cấp ngày 01/4/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Trần Ngọc Phương